

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 36

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty ("bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Hồ Chí Minh và của hai chi nhánh không có tư cách pháp nhân") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61354721/19488753/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp đó vào ngày 1 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 8 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		304.049.421.368	319.949.134.786
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	115.335.139.930	127.817.498.015
111	1. Tiền		105.335.139.930	97.817.498.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	30.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		169.984.303.471	178.851.755.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	166.338.514.636	179.004.731.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.069.239.983	6.472.873.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.576.548.852	1.808.855.010
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(8.434.703.966)
140	III. Hàng tồn kho	7	5.929.350.651	5.599.217.570
141	1. Hàng tồn kho		5.929.350.651	5.599.217.570
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.800.627.316	7.680.663.348
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	311.527.603	300.975.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.215.205.995	7.379.648.710
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	273.893.718	39.446
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		292.798.668.868	220.276.898.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	-	20.600.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(20.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		273.308.167.156	218.355.624.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	273.308.167.156	218.355.624.676
222	Nguyên giá		454.982.733.764	375.792.538.694
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(181.674.566.608)	(157.436.914.018)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.327.173.925	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.327.173.925	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		15.810.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	10	15.810.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.353.327.787	1.921.273.499
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	659.562.525	731.488.165
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	21.3	693.765.262	1.189.785.334
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		596.848.090.236	540.226.032.961

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		236.796.762.023	188.131.544.311
310	I. Nợ ngắn hạn		231.992.175.523	179.761.790.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	46.148.909.162	51.985.724.024
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		195.646.592	199.961.608
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	12.343.353.751	11.290.421.854
314	4. Phải trả người lao động		83.140.775.102	107.692.376.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	7.101.788.885	1.857.654.306
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	73.260.908.607	2.514.496.097
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.800.793.424	4.221.155.618
330	II. Nợ dài hạn		4.804.586.500	8.369.754.300
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	4.804.586.500	8.369.754.300
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	360.051.328.213	352.094.488.651
410	I. Vốn chủ sở hữu		360.051.328.213	352.094.488.651
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(362.800.000)	(133.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.144.670.223	7.139.777.265
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		99.665.777.990	138.484.031.386
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.853.938.780	204.132.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		97.811.839.210	138.279.898.631
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		596.848.090.236	540.226.032.961

Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập

Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	16.1	443.149.201.778	381.989.012.340
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		287.097.937.019	252.863.099.941
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		156.051.264.759	129.125.912.399
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	1.528.736.675	1.477.054.893
22	5. Chi phí tài chính	17	906.352.103	987.387.840
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	35.390.011.829	24.660.083.710
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		121.283.637.502	104.955.495.743
31	8. Thu nhập khác	19	2.084.372.021	81.915.731
32	9. Chi phí khác	19	1.014.361	88.526.060
40	10. Lợi nhuận (lỗ) khác	19	2.083.357.660	(6.610.329)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		123.366.995.162	104.948.885.414
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.2	24.257.147.882	21.030.669.058
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.3	496.020.072	49.285.991
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.613.827.208	83.868.930.365



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		123.366.995.162	104.948.885.414
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	26.128.070.693	16.171.852.600
03	Các khoản dự phòng		-	(234.660.228)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(109.928.084)	192.369.353
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(501.312.058)	(576.699.571)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		148.883.825.713	120.501.747.568
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		3.589.038.426	(25.688.942.461)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(330.133.081)	992.273.689
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(42.519.483.274)	31.610.783.462
12	Giảm chi phí trả trước		61.373.229	374.487.230
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.478.240.441)	(16.098.420.867)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.012.890.999)	(5.837.605.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.193.489.573	105.854.323.621
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(94.578.820.100)	(84.269.016.898)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(20.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		-	10.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.451.191.116)	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		501.312.058	697.032.888
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(98.528.699.158)	(93.571.984.010)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(229.800.000)	(105.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(229.800.000)	(105.000.000)

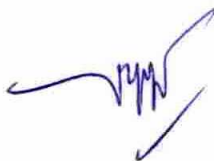
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(12.565.009.585)	12.177.339.611
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		127.817.498.015	78.370.065.494
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		82.651.500	(76.809.237)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	115.335.139.930	90.470.595.868



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.342 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.289).

Công ty có hai (2) chi nhánh và một công ty con, như sau:

- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 ngày 27 tháng 4 năm 2015. Chi nhánh tọa lạc tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Chi nhánh tọa lạc tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11 tháng 4 năm 2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (“SAGS-CXR”). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2016, thông qua quyết định góp vốn thành lập SAGS-CXR.

Ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo các Nghị định nêu trên. Đồng thời, Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ, thủ tục để ngưng hoạt động Chi nhánh Cam Ranh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tọa lạc tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty ("bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và số liệu của hai chi nhánh trực thuộc không có tư cách pháp nhân") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt các phương tiện vận tải của Công ty mà việc lắp đặt này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào các ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, F,C, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý. Hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng thuế suất GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, cụ thể doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc nội chịu thuế suất 10%, doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở từng Chi nhánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Hồ Chí Minh. Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Cam Ranh (đơn vị hạch toán độc lập của Công ty) được nộp tại Cục thuế tỉnh Khánh Hòa.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Tiền mặt	563.242.656	17.827.430
Tiền gửi ngân hàng	104.771.897.274	97.799.670.585
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	115.335.139.930	127.817.498.015

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ngắn hạn	166.338.514.636	179.004.731.379
Bên liên quan (Thuyết minh số 22)	489.183.005	-
Các bên khác	165.849.331.631	179.004.731.379
- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	89.936.532.415	81.961.783.667
- Asiana Airlines Inc	8.514.174.352	2.971.832.871
- Jetstar Asia Airways Pte Ltd	5.171.746.051	4.320.646.140
- Emirates Airline	4.863.391.624	2.534.874.076
- Qatar Airways	4.612.542.844	13.562.875.511
- Air Asia Berhart	4.965.576.039	3.469.190.728
- Turkish Airlines	3.584.488.900	3.563.744.040
- Thai Air Asia	3.682.267.334	3.003.393.866
- Jetstar Airways Pty Ltd	2.984.597.362	-
- Công Ty TNHH TNT	2.684.102.478	998.637.385
- Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	2.470.585.634	5.176.197.837
- T'way Air., Ltd	2.217.283.563	893.037.366
- Air Hongkong	2.186.100.800	2.262.915.240
- Hainan Airlines Holding Company Limited	2.130.499.647	1.479.581.935
- Tiger Airways Singapore Pte. Ltd	1.917.600.433	3.750.201.770
- Air Busan	1.634.635.626	1.019.531.385
- Jin Air	1.632.566.930	1.868.990.033
- Hong Kong Dragon Airlines Ltd	1.469.066.207	847.078.072
- Thai Lion Mentari Company Limited	1.441.321.518	1.182.611.214
- Malindo Air	1.309.787.049	2.505.716.026
- Nok Airlines Public Company Limited	1.290.924.938	1.345.755.084
- Dht Aviation Inc	271.320.615	6.118.416.467
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông	-	5.508.337.650
- Llc "Ikar" Airlines	-	4.370.114.823
- Các khách hàng khác	14.878.219.272	24.289.268.193
TỔNG CỘNG	166.338.514.636	179.004.731.379
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(8.434.703.966)
GIÁ TRỊ THUẦN	166.338.514.636	170.570.027.413

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Lữ hành Deks Air Việt Nam	791.112.800	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	598.250.000	-
Công ty Cổ phần Avintech	-	6.177.806.512
Các nhà cung cấp khác	679.877.183	295.066.918
TỔNG CỘNG	2.069.239.983	6.472.873.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ngắn hạn	1.576.548.852	1.808.855.010
Tạm ứng nhân viên	321.690.350	895.002.585
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	316.009.534	473.722.468
Ký cược, ký quỹ	271.000.000	225.600.000
Trả hộ tiền thai sản	242.337.471	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	306.129.000	-
Lãi dự thu	35.138.889	90.083.333
Các khoản khác	84.243.608	124.446.624
Dài hạn		
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	20.600.000.000
TỔNG CỘNG	1.576.548.852	22.408.855.010
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(20.600.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.576.548.852	1.808.855.010

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Nguyên liệu, vật liệu	5.820.340.651	5.539.757.570
Công cụ, dụng cụ	109.010.000	59.460.000
TỔNG CỘNG	5.929.350.651	5.599.217.570

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ngắn hạn	311.527.603	300.975.192
Tiền thuê mặt bằng	170.476.000	-
Phí cước Metrowan	51.398.873	153.127.204
Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	50.216.329	93.914.192
Phần mềm mail server	10.846.851	32.661.069
Khác	28.589.550	21.272.727
Dài hạn	659.562.525	731.488.165
Đường truyền cáp quang	459.543.564	554.621.544
Bản quyền phần mềm Kaspersky	61.018.605	84.269.911
Dịch vụ hỗ trợ trọn gói 3 năm thiết bị cisco	64.774.998	77.730.000
Chi phí tần số vô tuyến điện	71.225.358	14.866.710
Khác	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	971.090.128	1.032.463.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	28.579.661.612	9.458.400.805	325.600.192.754	12.154.283.523	375.792.538.694
Mua mới	-	764.380.455	90.497.297.720	989.968.000	92.251.646.175
Góp vốn kinh doanh	-	(90.840.000)	(12.970.611.105)	-	(13.061.451.105)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>28.579.661.612</u>	<u>10.131.941.260</u>	<u>403.126.879.369</u>	<u>13.144.251.523</u>	<u>454.982.733.764</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	(1.706.859.380)	(5.426.166.484)	(141.474.337.556)	(8.829.550.598)	(157.436.914.018)
Khấu hao trong kỳ	(573.747.522)	(818.410.626)	(23.933.350.815)	(802.561.730)	(26.128.070.693)
Góp vốn kinh doanh	-	4.542.000	1.885.876.103	-	1.890.418.103
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(2.280.606.902)</u>	<u>(6.240.035.110)</u>	<u>(163.521.812.268)</u>	<u>(9.632.112.328)</u>	<u>(181.674.566.608)</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>26.872.802.232</u>	<u>4.032.234.321</u>	<u>184.125.855.198</u>	<u>3.324.732.925</u>	<u>218.355.624.676</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>26.299.054.710</u>	<u>3.891.906.150</u>	<u>239.605.067.101</u>	<u>3.512.139.195</u>	<u>273.308.167.156</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 1 tháng 1 năm 2017	
	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	15.810.000.000	51%	-	-

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)	33.643.106.826	39.877.567.115
Phải trả cho các bên khác	12.505.802.336	12.108.156.909
- Công ty Cổ phần Avintech	3.039.014.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	2.614.468.553	-
- Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Hàng không Việt Nam	2.272.673.200	2.243.439.110
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu An Tâm	2.107.590.502	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hàng Không	-	3.668.107.400
- Các nhà cung cấp khác	2.472.056.081	6.196.610.399
TỔNG CỘNG	46.148.909.162	51.985.724.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại CN Cam Ranh	-	181.570.354	-	181.570.354
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Cam Ranh	-	92.283.918		92.283.918
Thuế GTGT tại VP Hồ Chí Minh	39.446	-	-	39.446
TỔNG CỘNG	39.446	273.854.272	-	273.893.718
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp Thuế TNDN tại VP Hồ Chí Minh và CN Đà Nẵng	9.115.773.233	24.257.147.882	(21.296.670.089)	12.076.251.026
Thuế TNDN tại CN Cam Ranh	5.909.254.426	24.255.365.110	(18.088.368.510)	12.076.251.026
Thuế TNCN	3.206.518.807	1.782.772	(3.208.301.579)	-
Thuế GTGT	2.139.550.542	15.173.650.067	(17.121.723.495)	191.477.114
Thuế môn bài	35.098.079	2.922.897.676	(2.882.370.144)	75.625.611
Thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	-	982.293	(982.293)	-
TỔNG CỘNG	11.290.421.854	42.359.677.918	(41.306.746.021)	12.343.353.751

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Đồng phục nhân viên	2.952.376.000	-
Chi phí nghỉ mát	2.058.000.000	-
Bồi dưỡng độc hại	1.147.597.885	-
Chi phí sử dụng Sita	542.460.000	842.460.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	159.000.000	159.000.000
Chi phí hội nghị	-	854.934.306
Khác	242.355.000	1.260.000
TỔNG CỘNG	7.101.788.885	1.857.654.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ngắn hạn	73.260.908.607	2.514.496.097
Cổ tức phải trả năm 2016	69.937.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.271.488.154	1.147.296.333
Hoa hồng bán vé thu hộ	1.277.656.655	866.395.322
Các phải trả khác	774.763.798	500.804.442
Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ	4.804.586.500	8.369.754.300
TỔNG CỘNG	<u>78.065.495.107</u>	<u>10.884.250.397</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	140.508.000.000	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	83.868.930.365	83.868.930.365
Tăng vốn từ lợi nhuận	56.165.160.000	-	-	(56.165.160.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi 2015 và tạm trích 2016	-	-	-	(1.504.525.000)	(1.504.525.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>196.673.160.000</u>	<u>(133.000.000)</u>	<u>7.139.777.265</u>	<u>83.018.538.120</u>	<u>286.698.475.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	138.484.031.386	352.094.488.651
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	98.613.827.208	98.613.827.208
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(229.800.000)	-	-	(229.800.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 14/03/2017	-	-	-	47.004.892.958	(47.004.892.958)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 14/03/2017	-	-	-	-	(4.475.000.000)	(4.475.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	(3.117.528.805)	(3.117.528.805)
Cổ tức còn lại năm 2016 (*)	-	-	-	-	(69.937.000.000)	(69.937.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành	-	-	-	-	(12.897.658.841)	(12.897.658.841)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>200.000.000.000</u>	<u>6.603.680.000</u>	<u>(362.800.000)</u>	<u>54.144.670.223</u>	<u>99.665.777.990</u>	<u>360.051.328.213</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường năm 2017 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành là 3.995.952 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất việc chi trả và phát hành cổ phiếu trên vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng lên thành 239.959.520.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 1 tháng 1 năm 2017	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
	sở hữu	(VND)	sở hữu	(VND)
	(%)		(%)	
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48.00%	96.000.310.000	48.00%	96.000.310.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	15.16%	30.315.280.000	15.16%	30.315.280.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng Khác	12.79%	25.572.450.000	12.79%	25.572.450.000
Khác	23.95%	47.909.960.000	24.00%	48.016.960.000
Cổ phiếu quỹ	0.1%	202.000.000	0.05%	95.000.000
TỔNG CỘNG		200.000.000.000		200.000.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	200.000.000.000	140.508.000.000
Tăng trong kỳ	-	56.165.160.000
Số cuối kỳ	<u>200.000.000.000</u>	<u>196.673.160.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	69.937.000.000	56.165.160.000

15.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	20.200	9.500
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	19.979.800	19.990.500

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
Doanh thu dịch vụ hàng không	431.976.239.937	368.024.600.486
- Phục vụ Mặt đất	397.244.682.358	342.469.498.864
- Dịch vụ kéo đẩy	24.156.183.721	20.112.405.599
- Dịch vụ quấy thủ tục	2.611.808.266	5.442.696.023
- Dịch vụ xe chờ khách	7.963.565.592	-
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	11.172.961.841	13.964.411.854
- Dịch vụ Sửa chữa, bảo dưỡng	3.403.160.303	2.606.883.546
- Dịch vụ đào tạo	2.319.348.600	814.891.392
- Dịch vụ hành lý, hàng hóa	1.523.527.532	1.031.425.579
- Dịch vụ giặt ủi	1.170.008.814	1.025.428.691
- Dịch vụ VIP	754.833.200	1.293.950.109
- Dịch vụ cho thuê trang thiết bị	354.811.283	-
- Dịch vụ xe chờ khách về khách sạn	-	5.903.287.352
- Khác	1.647.272.109	1.288.545.185
TỔNG CỘNG	443.149.201.778	381.989.012.340
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	5.354.843.218	3.379.751.739
Doanh thu từ bên khác	437.794.358.560	378.609.260.601

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
Lãi tiền gửi	501.312.058	576.699.571
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	917.496.533	900.355.322
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.928.084	-
TỔNG CỘNG	1.528.736.675	1.477.054.893

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ	906.352.103	795.018.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	192.369.353
TỔNG CỘNG	906.352.103	987.387.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	183.067.945	908.592.955
Chi phí nhân viên	19.095.669.506	10.359.437.884
Chi phí khấu hao	604.683.507	438.748.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.263.595.005	7.428.798.170
Chi phí nhượng quyền khai thác	6.479.672.388	5.513.631.213
Chi phí khác bằng tiền	763.323.478	10.875.001
TỔNG CỘNG	<u>35.390.011.829</u>	<u>24.660.083.710</u>

19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	2.084.372.021	81.915.731
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.920.010.388	-
Phạt vi phạm hợp đồng	137.493.357	52.830.000
Khác	26.868.276	29.085.731
Chi phí khác	1.014.361	88.526.060
Tiền miễn thưởng theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	-	64.500.000
Khác	1.014.361	24.026.060
LỢI NHUẬN (LỖ) THUẬN KHÁC	<u>2.083.357.660</u>	<u>(6.610.329)</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	8.003.635.284	7.998.878.759
Chi phí nhân viên	165.288.278.505	141.752.067.636
Chi phí khấu hao	26.128.070.693	16.171.852.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.824.968.500	105.897.007.809
Chi phí nhượng quyền khai thác	6.479.672.388	5.513.631.213
Chi phí khác bằng tiền	763.323.478	189.745.633
TỔNG CỘNG	<u>322.487.948.848</u>	<u>277.523.183.650</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.257.147.882	21.030.669.058
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	496.020.072	49.285.991
TỔNG CỘNG	24.753.167.954	21.079.955.049

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.366.995.162	104.948.885.414
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	24.673.399.032	20.989.777.083
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ	79.768.922	90.177.966
Chi phí thuế TNDN	24.753.167.954	21.079.955.049

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa Chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	123.366.995.162	104.948.885.414
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	24.673.399.032	20.989.777.083
<i>Điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	79.768.922	90.177.966
Trích trước chi phí Sita	(60.000.001)	-
Trích trước chi phí hội nghị	(436.020.071)	-
Dự phòng cho Transero Airline	-	(49.285.991)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.257.147.882	21.030.669.058

21.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trích trước chi phí Sita	108.491.999	168.492.000	(60.000.001)	-
Trích trước chi phí hội nghị	-	436.020.071	(436.020.071)	-
Dự phòng cho Transero Airline	585.273.263	585.273.263	-	(49.285.991)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	693.765.262	1.189.785.334		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(496.020.072)	(49.285.991)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	3.928.731.935 14.221.540.626	3.108.274.938 9.708.423.432
Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ Thanh lý công cụ, dụng cụ Chi phí hỗ trợ	1.426.111.283 1.732.234.506 24.000.000	- - -
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	67.560.891.593	72.435.890.466
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	14.849.455.654	12.493.441.038

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	489.183.005	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</i>
<i>Phải trả ngắn hạn người bán</i>				
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	25.242.169.465	23.903.479.266
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	5.150.901.850	5.345.572.044
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Cổ đồng	Mua dịch vụ	3.223.635.511	4.242.584.369
Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con	Mua dịch vụ	26.400.000	-
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	6.385.931.436
			<u>33.643.106.826</u>	<u>39.877.567.115</u>

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập Hội đồng Quản trị (*)	2.628.005.212	1.136.128.302
Thu nhập Ban Kiểm soát (**)	1.079.882.479	448.471.698
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng	14.957.811.151	5.912.680.000
TỔNG CỘNG	<u>18.665.698.842</u>	<u>7.497.280.000</u>

(*) Hội đồng quản trị gồm năm (5) thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách.

(**) Ban Kiểm soát gồm ba (3) thành viên và không có thành viên chuyên trách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	VND			
	<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>Chi nhánh Cam Ranh</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Doanh thu	326.014.583.503	55.974.428.837	-	381.989.012.340
Chi phí	(234.094.354.274)	(43.226.615.918)	(202.213.458)	(277.523.183.651)
Lợi nhuận bộ phận	91.920.229.229	12.747.812.919	(202.213.458)	104.465.828.690
Doanh thu hoạt động tài chính	1.453.708.459	23.265.998	80.436	1.477.054.893
Chi phí tài chính	(973.684.833)	(13.703.007)	-	(987.387.840)
Thu nhập khác	81.580.290	335.441	-	81.915.731
Chi phí khác	(88.526.060)	-	-	(88.526.060)
Tổng lợi nhuận trước thuế	92.393.307.085	12.757.711.351	(202.133.022)	104.948.885.414
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(18.477.426.788)	(2.553.242.270)	-	(21.030.669.058)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	(49.285.991)	-	-	(49.285.991)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	73.866.594.306	10.204.469.081	(202.133.022)	83.868.930.365
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Tài sản bộ phận	473.044.242.803	24.386.690.453	42.795.099.705	540.226.032.961
Nợ phải trả bộ phận	140.011.394.491	20.242.151.205	27.877.998.615	188.131.544.311
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Doanh thu	357.630.718.066	85.518.483.712	-	443.149.201.778
Chi phí	(258.043.252.929)	(64.434.487.603)	(10.208.316)	(322.487.948.848)
Lợi nhuận bộ phận	99.587.465.137	21.083.996.109	(10.208.316)	120.661.252.930
Doanh thu hoạt động tài chính	1.432.450.479	66.491.132	29.795.064	1.528.736.675
Chi phí tài chính	(844.059.147)	(47.008.451)	(15.284.505)	(906.352.103)
Thu nhập khác	2.084.183.331	2.750	185.940	2.084.372.021
Chi phí khác	(843.680)	(57.945)	(112.736)	(1.014.361)
Tổng lợi nhuận trước thuế	102.259.196.120	21.103.423.595	4.375.447	123.366.995.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(20.033.230.358)	(4.222.134.752)	(1.782.772)	(24.257.147.882)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	(496.020.072)	-	-	(496.020.072)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	81.729.945.690	16.881.288.843	2.592.675	98.613.827.208
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Tài sản bộ phận	559.080.750.620	35.457.652.604	2.309.687.012	596.848.090.236
Nợ phải trả bộ phận	210.106.924.738	26.689.837.285	-	236.796.762.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS và Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Dưới 1 năm	<u>21.383.260.527</u>	<u>37.144.783.541</u>

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

25.1 Tài sản thuê ngoài

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2017
Tài sản thuê ngoài tại văn phòng	55.743.205.515	55.743.205.515
Tài sản thuê ngoài tại Chi nhánh Đà Nẵng	86.939.018.380	60.969.106.700
Tài sản thuê ngoài tại Chi nhánh Cam Ranh	-	133.180.080.866
TỔNG CỘNG	<u>142.682.223.895</u>	<u>249.892.393.081</u>

25.2 Ngoại tệ các loại

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</u>		<u>Ngày 1 tháng 1 năm 2017</u>	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	91.874.937.888	4.047.354,09	79.013.549.075	3.479.240,38
Đô la Singapore (SGD)	4.012.092	244,00	3.818.600	244,00

25.3 Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	VND	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Cổ phần Hàng không Mekong	5.508.337.650	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Transaero Airline	2.926.366.316	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	Công ty đã phá sản không có khả năng thu hồi

Trong Quý 1 năm 2017, Công ty thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi của các đối tượng nêu trên theo Quyết định số 190A/QĐ/HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện đã trình bày ở thuyết minh số 15.1, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2017